

I. LẬP TRÌNH MÁY TÍNH.

4. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ I. CNTT101 Tin học 4(2/2) → sửa lại số tín chỉ 4(2,2,5).

Học kỳ II. KHC6104 Ngoại ngữ → chuyển qua HK 3.

Vì vậy tổng số Tín chỉ HK 2: 20
HK 3: 30.

Học kỳ IV. CNTT128 Chuyên đề Java: phân tên học phần học thuật, song hành Kỹ thuật lập trình → sửa lại thành Kỹ thuật lập trình.

Tổng cộng số tín chỉ: 80 → sửa lại thành 90.

Năm 2017 → sửa thành năm 2018.

Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình: chỉnh sửa lại môn Ngoại ngữ sang HK 3.

Sơ với niên giám 6A:

Học kỳ I: bổ sung môn Tin học, Kỹ năng mềm

Học kỳ II: chương trình môn lý có môn Anh văn chuyên ngành.

Học kỳ III: bổ sung môn Ngoại ngữ, dư môn AV chuyên ngành.

II. QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH.

Chỉnh sửa lại biểu mẫu theo biểu mẫu chỉ Mai gửi ở mục II. Các học phần chuyên môn ngành, nghề.

4. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ I CNTT106 Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin → chuyển thành phân tích và thiết kế hệ thống; đồng nhất với tên ở mục

3. Nội dung chương trình

Ghi chú: Số tín chỉ tên... → Bỏ vì đã đưa vào các học phần

Tin học, ...

Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình: chỉnh sửa lại tên môn Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin → Phân tích và thiết kế hệ thống

Sơ với niên giám 6A:

Học kỳ I: bổ sung môn Tin học, Kỹ năng mềm

Học kỳ II: Thay đổi môn Kỹ thuật truyền thông và số liệu thành Thiết kế Web R.

Học kỳ III: bổ sung môn ngoại ngữ.

Thay đổi môn Thiết kế Web thành Kỹ thuật truyền thông và số liệu.

III. LIÊN THÔNG VÀ QUẢN TRỊ MẠNG MT.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian học

- KL các môn học chuyển môn cũ 810 giờ $\rightarrow$ môn 795 giờ

- KL lý thuyết: cũ 298 giờ $\rightarrow$ môn 358 giờ; TH, TT, TN cũ 705h $\rightarrow$ 585h

3. ND chương trình:

+ CNTT 505 Kỹ thuật học cũ 3(1, 2, 3) $\rightarrow$ môn 3(2, 1, 5)

cũ 3(1, 2, 3) 75 13 60

môn 3(2, 1, 5) 60 28 30

+ CNTT 507 Cấu trúc mạng

cũ 3(1, 2, 3) 75 13 60

môn 3(2, 1, 5) 60 28 30

+ CNTT 509 Lập trình mạng

cũ ~~2(1, 1, 3)~~ 45 13 ~~30~~

môn 3(2, 1, 5) 60 28

+ CNTT 510 Công nghệ ảo hóa

cũ 3(1, 2, 3) 75 13 60

môn 3(2, 1, 5) 60 25 30

$\Rightarrow$ II. 2 cũ 21 540 91 435 ✕

môn 22 510 151 345 ✕

II. cũ ✕ 855 156 675 ✕

môn ✕ 795 216 555 ✕

+ II. 3 cũ Web: 2(1, 1, 3) 45 13 30 2

môn CNTT 512 An toàn mạng 2(1, 1, 3) 45 13 30 2
trên Cisco

$\Rightarrow$ II. 3 cũ 5 120 26 90 4

môn 4 90 26 60 4

Tổng: cũ 45 1035 298 705 32

môn 45 975 358 585 32

A. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1: bổ sung thêm KT500 Kỹ năng mềm 3(3,0,6)

CNTT 503 Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin có dữ liệu
thành Phân tích và thiết kế hệ thống giống CT CA kỹ?

CNTT 505 Kỹ thuật hack cũ 3(1,2,3) → môn 3(2,1,5)

Học kỳ 2:

CNTT 507 Cấu hình mạng cũ 3(1,2,3) → môn 3(2,1,5)

CNTT 509 Lập trình mạng cũ 2(1,1,3) → môn 3(2,1,5)

Môn học tự chọn:

Cũ CNTT 512 TK Web I 3(1,2,3) →

môn CNTT 512 An toàn mạng trên A&C 2(1,1,3)

Học kỳ phụ ⇒ CT môn ghi Học kỳ 3.

CNTT 510 Công nghệ ảo hóa 3(1,2,3) → môn 3(2,1,5)